

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP- KHOÁ THI NGÀY **18-19/4/2025**

Theo Quyết định số **53/QĐ-BKHC**M, ngày **06/5/2025**

Stt	Số vào sổ	Họ và Tên	Họ (anh) Tên (anh)	Giới tính	Giới tính (anh)	Ngày sinh	Ngày sinh (Anh)	Xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (anh)	Ngành đào tạo	Ngành đào tạo (Anh)	Số hiệu phôi
01	TCD0238.2025.0025	Hoàng Duy Bảo	Hoang Duy Bao	Nam	Mr	26/11/2008	26 November 2008	Khá	Merit	Điều dưỡng	Nursing	5.000403
02	TCD0238.2025.0026	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Nguyen Ngoc Gia Han	Nữ	Ms	09/05/2008	9 May 2008	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000404
03	TCD0238.2025.0027	Vũ Thị Bích Hòa	Vu Thi Bich Hoa	Nữ	Ms	02/09/2002	2 September 2002	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000405
04	TCD0238.2025.0028	Hoàng Ngọc Thiên Kim	Hoang Ngoc Thien Kim	Nữ	Ms	05/02/2008	5 February 2008	Khá	Merit	Điều dưỡng	Nursing	5.000406
05	TCD0238.2025.0029	Ngô Hoàng Thùy Minh	Ngo Hoang Thuy Minh	Nữ	Ms	19/05/2008	19 May 2008	Khá	Merit	Điều dưỡng	Nursing	5.000407
06	TCD0238.2025.0030	Nguyễn Như Ngọc	Nguyen Nhu Ngoc	Nữ	Ms	15/08/2008	15 August 2008	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000408
07	TCD0238.2025.0031	Phạm Bích Ngọc	Pham Bich Ngoc	Nữ	Ms	30/03/1980	30 March 1980	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000409
08	TCD0238.2025.0032	Nguyễn Khôi Nguyên	Nguyen Khoi Nguyen	Nam	Mr	27/11/2008	27 November 2008	Khá	Merit	Điều dưỡng	Nursing	5.000410
09	TCD0238.2025.0033	Tăng Thị Hồng Phương	Tang Thi Hong Phuong	Nữ	Ms	14/04/2008	14 April 2008	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000411
10	TCD0238.2025.0034	Trần Quốc Thái	Tran Quoc Thai	Nam	Mr	11/07/2008	11 July 2008	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000412
11	TCD0238.2025.0035	Nguyễn Thị Đoàn Thanh	Nguyen Thi Doan Thanh	Nữ	Ms	16/06/2007	16 June 2007	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000413
12	TCD0238.2025.0036	Đỗ Ngọc Anh Thy	Do Ngoc Anh Thy	Nữ	Ms	28/10/2008	28 October 2008	Khá	Merit	Điều dưỡng	Nursing	5.000414
13	TCD0238.2025.0037	Trần Phạm Kim Vân	Tran Pham Kim Van	Nữ	Ms	20/08/2008	20 August 2008	Giỏi	Distinction	Điều dưỡng	Nursing	5.000415
14	TCD0238.2025.0038	Nguyễn Thị Thùy Duyên	Nguyen Thi Thuy Duyen	Nữ	Ms	24/03/1995	24 March 1995	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000416

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP- KHOÁ THI NGÀY 18-19/4/2025

Theo Quyết định số 53/QĐ-BKHCN, ngày 06/5/2025

Stt	Số vào sổ	Họ và Tên	Họ (anh)	Tên (anh)	Giới tính	Giới tính (anh)	Ngày sinh	Ngày sinh (Anh)	Xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (anh)	Ngành đào tạo	Ngành đào tạo (Anh)	Số hiệu phối
15	TCD0238.2025.0039	Mai Thị Mơ	Mai Thi	Mo	Nữ	Ms	05/07/1990	5 July 1990	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000417
16	TCD0238.2025.0040	Phan Ngọc Nga	Phan Ngoc	Nga	Nữ	Ms	03/12/1984	3 December 1984	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000418
17	TCD0238.2025.0041	Lê Thị Tuyết Phượng	Le Thi Tuyet	Phuong	Nữ	Ms	22/07/1996	22 July 1996	Khá	Merit	Dược	Pharmacy	5.000419
18	TCD0238.2025.0042	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nguyen Thi My	Tien	Nữ	Ms	15/07/2001	15 July 2001	Khá	Merit	Dược	Pharmacy	5.000420
19	TCD0238.2025.0043	Nguyễn Trọng Tín	Nguyen Trong	Tin	Nam	Mr	07/08/2008	7 August 2008	Khá	Merit	Dược	Pharmacy	5.000421
20	TCD0238.2025.0044	Trần Ngô Ngọc Tú	Tram Ngo Ngoc	Tu	Nữ	Ms	04/08/2008	04/08/2008	Trung bình	Pass	Dược	Pharmacy	5.000422
21	TCD0238.2025.0045	Nguyễn Minh Thuận	Nguyen Minh	Thuan	Nam	Mr	19/12/2008	19 December 2008	Trung bình	Pass	Dược	Pharmacy	5.000423
22	TCD0238.2025.0046	Phan Hoàng Kim Trang	Phan Hoang Kim	Trang	Nữ	Ms	10/08/1991	10 August 1991	Khá	Merit	Dược	Pharmacy	5.000424
23	TCD0238.2025.0047	Trần Thị Thuỳ Trang	Tran Thi Thuy	Trang	Nữ	Ms	27/07/2002	27 July 2002	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000425
24	TCD0238.2025.0048	Đặng Thị Ngọc Trâm	Dang Thi Ngoc	Tram	Nữ	Ms	21/01/1999	21 January 1999	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000426
25	TCD0238.2025.0049	Huỳnh Lưu Ngọc Trinh	Huynh Luu Ngoc	Trinh	Nữ	Ms	07/04/2001	7 April 2001	Khá	Merit	Dược	Pharmacy	5.000427
26	TCD0238.2025.0050	Lê Văn Minh Vũ	Le Van Minh	Vu	Nam	Mr	16/08/2008	16 August 2008	Trung bình	Pass	Dược	Pharmacy	5.000428
27	TCD0238.2025.0051	Ngô Minh Vỹ	Ngo Minh	Vy	Nam	Mr	25/08/1998	25 August 1998	Giỏi	Distinction	Dược	Pharmacy	5.000429
28	TCD0238.2025.0052	Lê Thị Lan Anh	Le Thi Lan	Anh	Nữ	Ms	03/06/2003	3 June 2003	Xuất sắc	High distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000430

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP- KHOÁ THI NGÀY 18-19/4/2025

Theo Quyết định số 53/QĐ-BKHCN, ngày 06/5/2025

Stt	Số vào sổ	Họ và Tên	Họ (anh) Tên (anh)	Giới tính	Giới tính (anh)	Ngày sinh	Ngày sinh (Anh)	Xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (anh)	Ngành đào tạo	Ngành đào tạo (Anh)	Số hiệu phôi
29	TCD0238.2025.0053	Lê Nguyễn Huyền Anh	Le Nguyen Huyen Anh	Nữ	Ms	19/09/2008	19 September 2008	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000431
30	TCD0238.2025.0054	Trần Quang Minh	Tran Quang Minh	Nam	Mr	28/03/2006	28 March 2006	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000432
31	TCD0238.2025.0055	Mai Thị Yến Nhi	Mai Thi Yen Nhi	Nữ	Ms	17/09/2005	17 September 2005	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000433
32	TCD0238.2025.0056	Trần Phong	Tran Phong	Nam	Mr	31/08/2008	31 August 2008	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000434
33	TCD0238.2025.0057	Lê Thị Bích Thuận	Le Thi Bich Thuan	Nữ	Ms	04/07/1988	4 July 1988	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000435
34	TCD0238.2025.0058	Huỳnh Tấn Trà	Huynh Tan Tra	Nam	Mr	23/02/1994	23 February 1994	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000436
35	TCD0238.2025.0059	Lý Ngọc Quế Trâm	Ly Ngoc Que Tram	Nữ	Ms	05/12/2003	5 December 2003	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000437
36	TCD0238.2025.0060	Trần Công Trung	Tran Cong Trung	Nam	Mr	19/05/1996	19 May 1996	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000438
37	TCD0238.2025.0061	Trần Quang Trường	Tran Quang Truong	Nam	Mr	03/02/2000	3 February 2000	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000439
38	TCD0238.2025.0062	Nguyễn Triệu Vĩ	Nguyen Trieu Vi	Nam	Mr	04/03/2005	4 March 2005	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000440
39	TCD0238.2025.0063	Dương Bá Vũ	Duong Ba Vu	Nam	Mr	04/06/1991	4 June 1991	Xuất sắc	High distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000441
40	TCD0238.2025.0064	Nguyễn Hiếu Sang	Nguyen Hieu Sang	Nam	Mr	23/02/1999	23 February 1999	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000442
41	TCD0238.2025.0065	Trần Hải Yến	Tran Hai Yen	Nữ	Ms	18/11/1991	18 November 1991	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000443
42	TCD0238.2025.0066	Lại Quốc Bảo	Lai Quoc Bao	Nam	Mr	25/09/1994	25 September 1994	Xuất sắc	High distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000444

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP- KHOÁ THI NGÀY 18-19/4/2025

Theo Quyết định số 53/QĐ-BKHCN, ngày 06/5/2025

Stt	Số vào sổ	Họ và Tên	Họ (anh)	Tên (anh)	Giới tính	Giới tính (anh)	Ngày sinh	Ngày sinh (Anh)	Xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp (anh)	Ngành đào tạo	Ngành đào tạo (Anh)	Số hiệu phối
43	TCD0238.2025.0067	Bùi Minh Quyết	Bui Minh	Quyet	Nam	Mr	10/09/1995	10 September 1995	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000445
44	TCD0238.2025.0068	Trịnh Lê Ngân	Trinh Le	Ngan	Nữ	Ms	22/09/1990	22 September 1990	Giỏi	Distinction	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000446
45	TCD0238.2025.0069	Trần Thị Lan Anh	Tran Thi Lan	Anh	Nữ	Ms	16/11/2005	16 November 2005	Khá	Merit	Y sỹ đa khoa	General medical doctor assistant	5.000447
46	TCD0238.2025.0070	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyen Tien	Dung	Nam	Mr	29/10/2008	29 October 2008	Khá	Merit	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000448
47	TCD0238.2025.0071	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Huynh Thi My	Duyen	Nữ	Ms	05/06/2004	5 June 2004	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000449
48	TCD0238.2025.0072	Đào Thị Anh Hoàng	Dao Thi Anh	Hoang	Nữ	Ms	12/10/2008	12 October 2008	Khá	Merit	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000450
49	TCD0238.2025.0073	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nguyen Thi Khanh	Linh	Nữ	Ms	30/06/2007	30 June 2007	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000451
50	TCD0238.2025.0074	Huỳnh Thắm Mi	Huynh Tham	Mi	Nữ	Ms	03/08/2008	3 August 2008	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000452
51	TCD0238.2025.0075	Lâm Thị Thảo Nguyên	Lam Thi Thao	Nguyen	Nữ	Ms	10/04/1996	10 April 1996	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000453
52	TCD0238.2025.0076	Hoàng Thị Quỳnh Như	Hoang Thi Quynh	Nhu	Nữ	Ms	05/03/1993	5 March 1993	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000454
53	TCD0238.2025.0077	Đỗ Công Anh Quân	Do Cong Anh	Quan	Nam	Mr	02/07/2008	2 July 2008	Khá	Merit	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000455
54	TCD0238.2025.0078	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nguyen Thi Thu	Thuy	Nữ	Ms	29/01/1992	29 January 1992	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000456
55	TCD0238.2025.0079	La Thị Thanh Trà	La Thi Thanh	Tra	Nữ	Ms	09/06/2007	9 June 2007	Khá	Merit	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000457
56	TCD0238.2025.0080	Huỳnh Kim Tân	Huynh Kim	Tan	Nam	Mr	08/09/1988	8 September 1988	Giỏi	Distinction	Y học cổ truyền	Traditional physician	5.000458